

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2018/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 29 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 772/TTr-STC ngày 07/11/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số nội dung thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2018 và thay thế các Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 của UBND tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thề

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số nội dung thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định một số nội dung về nguyên tắc, điều kiện áp dụng chính sách hỗ trợ; Các bước tiến hành thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai; Xử lý tiền bồi thường giải phóng mặt bằng; Kiểm tra quy mô, tiêu chí của các cơ sở xã hội hóa; Các bước tiến hành thực hiện chính sách hỗ trợ về cho thuê cơ sở vật chất, thực hiện chính sách hỗ trợ về ưu đãi tín dụng trong tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Các nội dung khác về thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa không quy định tại Quy định này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng được hưởng hỗ trợ: Bao gồm các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra và giám sát thi hành chính sách trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường và quy hoạch thực hiện các dự án xã hội hóa.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí.

3. Nhà nước thực hiện cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; có chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

4. Nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được tham gia các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, nhằm huy động vốn, nhân lực và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

6. Tài sản của cơ sở thực hiện xã hội hóa bao gồm tài sản của cá nhân, tập thể, tài sản của các cơ sở sự nghiệp công lập tham gia góp vốn khi thành lập và phần tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động; trong đó tài sản được hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chia cho cá nhân, chỉ sử dụng chung cho lợi ích của cơ sở và cộng đồng.

7. Riêng đối với chính sách ưu đãi tín dụng chỉ áp dụng đối với các dự án đầu tư mới cơ sở xã hội hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Dự án đầu tư vào các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường phải thuộc danh mục loại hình được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

2. Dự án đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành của Chính phủ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các bước tiến hành thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc tổ chức rà soát, công bố công khai quỹ đất để thực hiện các dự án xã hội hóa:

a) Đối với quỹ đất do các huyện, thành phố quản lý: Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt Ủy ban nhân dân huyện, thành phố rà soát quỹ

đất được giao quản lý để công bố công khai quỹ đất thực hiện các dự án xã hội hóa trên Cổng thông tin điện tử huyện, thành phố và phương tiện thông tin đại chúng cấp huyện, cấp tỉnh.

b) Đối với quỹ đất do tỉnh quản lý: Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt đơn vị được giao quản lý quỹ đất (gồm cả cơ sở nhà, đất) rà soát quỹ đất được giao quản lý để công bố công khai quỹ đất thực hiện các dự án xã hội hóa trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin điện tử của đơn vị được giao quản lý quỹ đất (nếu có) và trên các phương tiện thông tin đại chúng cấp tỉnh.

2. Thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án:

a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về đất đai, xác định nhu cầu thuê đất; lập hồ sơ đề nghị thuê quyền sử dụng đất (đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đất đai) gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định (thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả);

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị thuê đất của các tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản này, có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai tại địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thuê đất;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai tại địa phương căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành về chính sách xã hội hóa của Trung ương và địa phương, quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền công bố, giải quyết đề nghị của các tổ chức, cá nhân về thuê đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 5. Xử lý tiền bồi thường giải phóng mặt bằng trong trường cơ sở thực hiện xã hội hóa tự nguyện ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thì xử lý như sau

1. Trường hợp cơ sở xã hội hóa thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thực hiện dự án thì cơ sở xã hội hóa được tính chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vào vốn đầu tư của dự án.

2. Trường hợp cơ sở xã hội hóa thuộc đối tượng được miễn, giảm một phần tiền thuê đất thì cơ sở xã hội hóa được trừ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vào số tiền thuê đất phải nộp (đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê) hoặc được quy đổi ra số năm, tháng đã nộp tiền thuê đất (đối với trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm) theo quy định tại pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước nhưng không vượt quá tiền thuê đất phải nộp hoặc thời gian phải nộp tiền thuê đất của dự án. Số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

3. Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng trên bao gồm tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng.

Điều 6. Kiểm tra các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của dự án xã hội hóa được miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Sau khi cơ sở xã hội hóa đã hoàn công và đi vào hoạt động ổn định trong khoảng thời gian theo quy định tại danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của từng lĩnh vực xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quy định. Nhà đầu tư gửi văn bản đến Cơ quan Thuế quản lý trực tiếp để thông báo dự án đã được xây dựng hoàn thành, đưa vào hoạt động kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan, gồm: Quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt quyết toán, hồ sơ miễn giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật, văn bản cam kết đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các tài liệu khác liên quan (nếu có) để Cơ quan Thuế quản lý trực tiếp tổ chức thực hiện kiểm tra việc đáp ứng điều kiện về miễn giảm tiền thuê đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

2. Chậm nhất 30 ngày (theo tiết b, điểm 4.5, khoản 3, Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính) kể từ ngày nhận được văn bản của nhà đầu tư, Cơ quan Thuế phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định;

a) Trường hợp cơ sở xã hội hóa đáp ứng các tiêu chí thì Cục Thuế tổng hợp kết quả kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho cơ sở thực hiện xã hội hóa và lưu bổ sung vào hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất;

b) Trường hợp cơ sở xã hội hóa không đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn thì Cục Thuế tổng hợp kết quả kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 7. Các bước tiến hành thực hiện chính sách hỗ trợ về cho thuê cơ sở vật chất

1. Công bố danh mục cơ sở vật chất cho thuê:

a) Đối với cơ sở vật chất gắn liền với địa điểm đất cho thuê: Cơ quan Tài chính có trách nhiệm công bố danh mục cơ sở vật chất cho thuê được thực hiện cùng với công bố quỹ đất để thực hiện dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh;

b) Đối với cơ sở vật chất không gắn liền với địa điểm đất cho thuê: Cơ quan Tài chính công bố danh mục cơ sở hạ tầng cho thuê để thực hiện dự án xã hội hóa trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin điện tử Sở Tài chính và trên các phương tiện thông tin đại chúng cấp tỉnh (đối với cơ sở vật chất do tỉnh quản lý), Cổng thông tin điện tử huyện, thành phố và phương tiện thông tin đại chúng cấp huyện, cấp tỉnh (đối với cơ sở vật chất do huyện, thành phố quản lý).

2. Trình tự thủ tục thuê cơ sở vật chất, công trình xã hội hóa: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với trường hợp không có quy định cụ thể thì vận dụng theo thủ tục hành chính “Cho thuê quyền khai thác tài sản hạ tầng đường bộ” được ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-BTC ngày 27/9/2016

của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Điều 8. Các bước tiến hành thực hiện chính sách hỗ trợ về ưu đãi tín dụng

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với trường hợp không có quy định cụ thể thì vận dụng thủ tục hành chính “Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp phải di dời” được ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ đã cam kết. Trường hợp sau 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư mà nhà đầu tư không triển khai thực hiện dự án theo tiến độ hoặc không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thu hồi dự án theo quy định của pháp luật.

2. Không được tự ý chuyển nhượng đất đã được Nhà nước giao để thực hiện dự án xã hội hóa. Trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chuyển nhượng thì phải đảm bảo việc sử dụng sau chuyển nhượng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động xã hội hóa.

3. Đăng ký với cơ quan thuế khi hoạt động. Định kỳ hàng quý và hàng năm lập báo cáo hoạt động nghiệp vụ chuyên môn gửi cơ quan quản lý ngành (cơ quan cấp phép hoạt động), UBND các huyện, thành phố. Báo cáo hoạt động tài chính gửi cơ quan quản lý ngành và cơ quan tài chính cùng cấp.

4. Tuân thủ theo Điều lệ hoạt động, bảo đảm các điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, nhân lực, cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật để cung cấp cho xã hội các sản phẩm, dịch vụ đạt yêu cầu, tiêu chuẩn về nội dung và chất lượng.

5. Hàng năm thực hiện công khai hoạt động của cơ sở và công khai tình hình hoạt động tài chính. Hội đồng Quản trị hoặc nhà đầu tư (đối với cơ sở không có Hội đồng Quản trị) cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện công khai theo Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở ngoài công lập và theo quy định của pháp luật.

Đồng thời thực hiện công khai các nội dung sau:

- a) Công khai mức thu; số thu phí, lệ phí.
- b) Công khai mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.
- c) Công khai các khoản đóng góp, các khoản nộp cho ngân sách nhà nước của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

6. Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê; thực hiện kiểm toán hàng năm và công khai kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì trong việc công bố danh mục cơ sở vật chất cho thuê; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đấu giá thuê cơ sở vật chất (đối với cơ sở vật chất do tỉnh quản lý) để thực hiện các dự án xã hội hóa;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ tín dụng cho các chủ đầu tư thực hiện dự án xã hội hóa;

c) Hướng dẫn các cơ sở ngoài công lập trong việc lập dự toán kinh phí, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Nhà nước;

d) Cân đối nguồn kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ cơ sở thực hiện xã hội hóa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

đ) Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ;

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chủ trì rà soát, đề xuất phương án khai thác quỹ đất công được giao quản lý và thực hiện công bố công khai theo quy định;

g) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc giới thiệu địa điểm đất, chuyển giao quỹ đất, bàn giao đất tại thực địa cho chủ đầu tư thực hiện dự án xã hội hóa (đối với quỹ đất công do Sở Tài chính quản lý);

h) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc rà soát sửa đổi, bổ sung danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp; làm căn cứ để sửa đổi, bổ sung chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị;

i) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn về hồ sơ, trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất và bàn giao đất tại thực địa;

b) Hàng năm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc rà soát sửa đổi, bổ sung danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp; làm

căn cứ để sửa đổi, bổ sung chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị;

d) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là đầu mối tổng hợp chung về các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh;

b) Định kỳ ba (03) năm, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát sửa đổi, bổ sung danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp; làm căn cứ để sửa đổi, bổ sung chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị, báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến chỉ đạo để ban hành và công bố công khai;

c) Chủ trì phối hợp với các sở ngành trong việc xây dựng, bổ sung các hoạt động xã hội hóa trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ cho các ngành, các đơn vị triển khai nhiệm vụ chuyên môn;

d) Phối hợp với Sở Tài chính bố trí nguồn lực thực hiện chính sách xã hội hóa; tổng hợp kinh phí hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

4. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì trong việc quản lý quy hoạch xây dựng; cấp phép xây dựng công trình xã hội hóa theo quy định;

b) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc rà soát sửa đổi, bổ sung danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp; làm căn cứ để sửa đổi, bổ sung chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị.

5. Cơ quan Thuế:

a) Chủ trì, hướng dẫn công tác đăng ký kê khai nộp thuế, quyết toán thuế; xem xét giải quyết miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc rà soát sửa đổi, bổ sung danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp; làm căn cứ để sửa đổi, bổ sung chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị.

6. Các Sở chuyên ngành quản lý các lĩnh vực xã hội hóa (Sở: Giáo dục - Đào tạo; Lao động, Thương binh và Xã hội; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường):

a) Là đầu mối tổng hợp, theo dõi các dự án thực hiện xã hội hóa, đề xuất cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực được giao quản lý cần phải sửa đổi, bổ sung gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh;

b) Căn cứ vào Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 1466/QĐ-TTg, Quyết định số 693/QĐ-TTg, Quyết định số 1470/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hóa và thứ tự ưu tiên trong danh mục xã hội hóa cho phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện thực tế của tỉnh;

c) Chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý. Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký nội dung hoạt động, trình tự thủ tục thực hiện;

d) Xây dựng đề án chuyển các đơn vị công lập sang ngoài công lập trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

e) Định kỳ hàng quý, hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ chuyên ngành theo quy định, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Cục Thống kê tỉnh để tổng hợp theo dõi;

g) Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xử lý vi phạm đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động; quản lý sử dụng cơ sở vật chất đảm bảo hiệu quả.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chủ trì trong việc công bố danh mục cơ sở vật chất cho thuê; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đấu giá thuê cơ sở vật chất (đối với cơ sở vật chất do huyện quản lý) để thực hiện các dự án xã hội hóa;

b) Phối hợp với các sở liên quan xây dựng và trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho nhu cầu xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường;

c) Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Chỉ đạo việc triển khai, theo dõi, quản lý cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý;

đ) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa;

e) Định kỳ hàng quý, hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý gửi về các Sở chuyên ngành, để tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

1. Các cơ sở xã hội hóa đã đi vào hoạt động và đã được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 và Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai thì tiếp tục được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại nếu chính sách hỗ trợ cao hơn quy định tại Quyết định này. Trường hợp chính sách hỗ trợ trong thời gian còn lại thấp hơn quy định tại Quyết định này thì được hưởng ưu đãi theo quy định tại Quyết định này.

2. Trường hợp dự án đầu tư thực hiện xã hội hóa đã được thẩm định nhưng chưa phê duyệt hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện và các dự án đầu tư được lập kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được áp dụng các chính sách hỗ trợ theo các nội dung quy định tại Quyết định này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Giao giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, các cơ sở thực hiện xã hội hóa và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung chính sách ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thề